

KHUYẾN NGHỊ		NĂM GIỮ		CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI CHÂU ĐỨC (HSX: SZC) BACKLOG CHỜ BÀN GIAO TỐT		
Giá hiện tại:	40,150	Ngày viết báo cáo:	26/11/2024	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG		
Giá mục tiêu trước:	44,500	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	180	TCT CTCP PHÁT TRIỂN KCN	46.8%	
Giá mục tiêu mới:	45,000	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,624	CTCP SONADEZI LONG	10.1%	
Tỷ suất cổ tức		Thanh khoản bình quân (tỷ VNĐ)	0.92	THÀNH		
Tiềm năng tăng giá	12%	Sở hữu nước ngoài	2.78%			

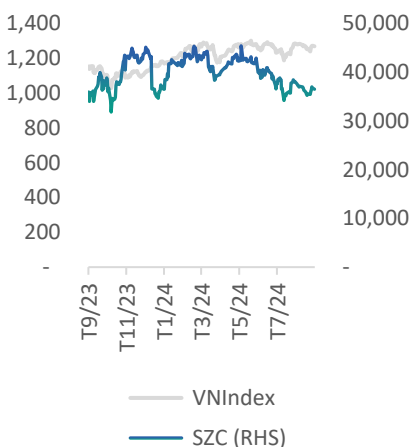
Bộ phận Research:

Phạm Quang Minh
(Cảng biển, Vật liệu xây dựng)
minhpq@bsc.com.vn

QUAN ĐIỂM ĐỊNH GIÁ

So với **Báo cáo trước đó**, giá cổ phiếu SZC đã tăng 7%. Chúng tôi khuyến nghị **Năm giữ** đối với cổ phiếu **SZC** với giá trị hợp lý năm 2025 là **45,000 VNĐ/CP** (Upside +12% so với giá đóng cửa ngày 25/11/2024) với WACC = 11%, P/B mục tiêu = 1.5x. So với Báo cáo trước đó, BSC điều chỉnh tăng + 2% giá mục tiêu chủ yếu đến từ việc đẩy nhanh tốc độ bàn giao dự án KCN Châu Đức.

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2024 – 25

So với **Báo cáo trước đó**, BSC tăng +10%/+26% dự báo LNST năm 2024 và 2025 chủ yếu nhờ sản lượng bàn giao và hoạt động ký các hợp đồng MOU tốt trong Quý 3.2024

Trong năm 2024, SZC dự báo SZC ghi nhận Doanh thu thuần đạt 1,287 tỷ VNĐ (+57% yoy), LNST – CĐTS đạt 478 tỷ VNĐ (+118% yoy), tương đương EPS FWD 2024 = 2,655 VNĐ/CP, P/E FWD 2024 = 15.7, P/B FWD 2024 = 2.2x, chủ yếu nhờ bàn giao 45 ha dự án KCN Châu Đức và 16 căn Shophouse KDC Hữu Phước.

Trong năm 2025, SZC dự báo SZC ghi nhận Doanh thu thuần đạt 1,670 tỷ VNĐ (+30% yoy), LNST – CĐTS đạt 662 tỷ VNĐ (+38% yoy), tương đương EPS FWD 2025 = 3,677 VNĐ/CP, P/E FWD 2025 = 11.3, P/B FWD 2024 = 1.8x, chủ yếu nhờ bàn giao 45 ha dự án KCN Châu Đức và 40 căn Shophouse KDC Hữu Phước.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- BSC duy trì kỳ vọng giá cho thuê KCN Châu Đức sẽ tiếp tục tăng trưởng 12%** trong 2 năm tới nhờ (1) hạ tầng giao thông hoàn thiện, (2) giá cho thuê BRVT rẻ tương đối so với các tỉnh phía Nam.
- BSC kỳ vọng SZC sẽ cho thuê 30 – 40 ha đất/năm trong 2 năm tới** nhờ (1) hưởng lợi từ hệ sinh thái Tripod (2) FDI tại BRVT tăng, (3) Quỹ đất từ các KCN hiện hữu BRVT không còn nhiều.
- Điểm rơi bàn giao KDC Hữu Phước 1 vào năm 2025** nhờ GPMB xong 2.8 ha, hoàn tất hạ tầng.

Chỉ số	2022	2023	2024F	2025F
PE (x)	13.9	21.7	14.7	10.6
PB (x)	1.8	2.7	2.1	1.7
PS (x)	3.1	5.8	5.5	4.2
ROE (%)	13%	13%	14%	16%
ROA (%)	3%	3%	5%	6%

KQKD	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	859	818	1,287	1,670
Lợi nhuận gộp	310	350	684	929
NPATMI	198	219	478	662
EPS	1,980	1,824	2,655	3,677
Tăng trưởng EPS	-39%	-8%	46%	38%

I. CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 9T.2024

Hình 1: Tóm tắt KQKD của SZC trong 9T.2024

BC KQKD	Q3.2023	Q3.2024	% YoY	9T.2023	9T.2024	% YoY
Doanh thu thuần	208	165	-21%	559	641	15%
Cho thuê đất	171	141	-17%	460	568	23%
Golf nhà hàng	12	14	11%	34	40	17%
Khu dân cư	21	4	-82%	55	17	-69%
Khác	4	5	51%	10	16	60%
Giá vốn	(122)	(79)	-35%	(302)	(307)	2%
Lãi gộp	86	86	0%	258	334	29%
Cho thuê đất	87	90	3%	247	340	38%
Golf nhà hàng	(17)	(8)	-52%	(27)	(19)	-30%
Khu dân cư	17	3	-83%	43	11	-74%
Khác	4	1	-69%	(1)	1	-198%
Doanh thu tài chính	6	15	146%	9	19	106%
CPTC	(11)	(8)	-23%	(35)	(28)	-19%
Trong đó: Lãi vay	(11)	(7)	-30%	(35)	(26)	-26%
Lãi từ CTLK	-	-	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	(6)	(2)	-57%	(7)	(3)	-59%
Chi phí QLDN	(8)	(17)	119%	(24)	(39)	65%
Lãi từ hoạt động kinh doanh	68	73	8%	201	283	40%
Thu nhập khác, ròng	(0)	(0)	-80%	(0)	(0)	442%
LNTT	67	73	9%	201	282	40%
Thuế TNDN	(12)	(14)	10%	(39)	(55)	43%
LNST	55	60	8%	163	227	39%
Lợi ích CĐTS	-	-	-	-	-	-
LNST - CĐTS	55	60	8%	163	227	39%
Biên lợi nhuận gộp	41%	52%	11%	46%	52%	6%
Cho thuê đất	51%	64%	13%	54%	60%	6%
Golf nhà hàng	-139%	-59%	80%	-79%	-48%	31%
Khu dân cư	78%	71%	-7%	79%	66%	-12%
Khác	100%	20%	-80%	-11%	7%	18%
Biên lợi nhuận ròng	26.5%	36.2%	10%	29.1%	35.4%	6%

Nguồn: SZC, BSC Research tổng hợp

Kết quả kinh doanh quý Q3/2024

Trong Quý 3, SZC ghi nhận Doanh thu thuần đạt 165 tỷ VNĐ (-21% yoy), LNST - CĐTS đạt 60 tỷ VNĐ (+8% yoy). Trong đó:

- Doanh thu - 21% yoy, chủ yếu do ghi nhận diện tích bàn giao thấp hơn 30-35% so với cùng kỳ. Trong Q3.2024, BSC ước tính SZC ghi nhận 6-7 ha.
- Biên lợi nhuận gộp đạt 52% tăng 11 điểm % so với cùng kỳ do giá cho thuê đất tăng.
- Doanh thu tài chính đạt 15 tỷ VNĐ (+146% yoy). BSC cho rằng đến từ lượng tiền mặt cao hơn sau khi phát hành thêm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 17 tỷ VNĐ (+119% yoy).

- Theo đó, LNST - CĐTTS của SZC đạt 60 tỷ VNĐ (+8% yoy). Mặc dù diện tích bàn giao giảm, tuy nhiên, KQKD của SZC được bù đắp bởi giá cho thuê tăng và doanh thu tài chính tăng.

Theo đó, lũy kế 9T.2024, SZC ghi nhận Doanh thu thuần đạt 641 tỷ VNĐ (+15% yoy), và LNST - CĐTTS đạt 227 tỷ VNĐ (+39% yoy). Trong 9T.2024, BSC ước tính SZC đã ghi nhận 26 - 28 ha, giá cho thuê 95 - 100 USD/m². BSC ước tính giá trị hợp đồng chưa ghi nhận tại cuối Quý 3 đạt 40 ha, bao gồm 18 ha từ dự án Tripod và 7.6 ha từ dự án HTSB.

Đánh giá của BSC:

- KQKD Quý 3 thấp hơn dự báo của BSC do chưa bàn giao Tripod. Tuy nhiên, BSC vẫn giữ triển vọng tích cực về lợi nhuận trong năm 2024 với kỳ vọng sẽ ghi nhận Tripod trong Quý 4. Lũy kế 9T.2024, SZC hoàn thành 53% dự báo doanh thu và 52% dự báo lợi nhuận của BSC. ([Báo cáo trước đó](#))

II. CẬP NHẬT LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

So với Báo cáo trước đó, BSC cập nhật các thông tin liên quan tới Luận điểm đầu tư như sau:

Luận điểm 1: BSC duy trì kỳ vọng SZC sẽ cho thuê tốt trong 2 năm tới nhờ (1) hưởng lợi từ hệ sinh thái Tripod (2) FDI tại BRVT tăng, (3) Quỹ đất từ các KCN hiện hữu BRVT không còn nhiều.

Tính đến cuối Quý 3.2024, SZC đang ghi nhận Người mua trả tiền trước ngắn hạn đạt 701.3 tỷ VNĐ (+96% ytd), chủ yếu đến từ 18 ha từ dự án Tripod và 7.6 ha từ dự án HTSB. Bên cạnh đó, trong Quý 3, UBND tỉnh Vũng Tàu cũng trao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 2 dự án mới tại KCN Châu Đức với diện tích 14 ha. Theo đó, BSC ước tính tổng giá trị hợp đồng đã ký và MOU đạt 35 ha – 50 ha. Điều này sẽ đảm bảo SZC cho thuê tốt 30-40 ha/năm trong năm 2025.

Hình 2: Danh sách các dự án đầu tư tại KCN Châu Đức trong 9T.2024

TT	Dự án	Quốc gia	Vốn đăng ký (triệu USD)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Tình trạng
1	Nhà máy Electronic Tripod Việt Nam	Đài Loan	250	18	
2	Nhà máy linh phụ kiện tháp điện gió	n.a	3	5-10*	
3	Nhà máy sản xuất thiết bị nâng hạ kính ô tô	n.a	8	-	Đã bàn giao
4	Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Shen Ming	Trung Quốc	8	2.2	Đã bàn giao trong Quý 1.2024
5	Dự án Công ty TNHH Việt Nam Mingyue	Trung Quốc	14	1.8	
6	Dự án Công ty TNHH Minglei (Việt Nam)	Trung Quốc	12	Chưa có thông tin	
7	Nhà máy sản xuất Công ty TNHH Công nghệ chế biến ống Hùng Văn	Trung Quốc	0.8	5-8*	
8	Dự án Công ty TNHH Electromechanical Technology Jinmazhi (Vietnam)	Trung Quốc	4	Chưa có thông tin	
9	Nhà máy sản xuất đá thạch anh nhân tạo Công ty TNHH Youngwire VT	Hàn Quốc	10	5.6	Đã bàn giao trong Quý 1.2024
10	Công ty TNHH Circular Plastics Việt Nam	Singapore	1.2	5-10*	Đã bàn giao trong Quý 2.2024
11	Nhà máy sản xuất giày dép, dụng cụ sản xuất giày dép và dụng cụ thể thao	n.a	8	0	
12	Dự án Richbase (Việt Nam)	Đài Loan	5	5.9	
13	Nhà máy sản xuất ván ép container – Tập đoàn Hòa Phát	Việt Nam	28	6	
14	Nhà máy sản xuất kết cấu thép kỹ thuật cao HTSB	Việt Nam	34	7.6	

15	Dự án 06 Nhà xưởng cho thuê - D2D	Việt Nam	11	2.54	Đã bàn giao trong Quý 1.2024
	Cập nhật mới tại Báo cáo Tháng 11				
16	Nhà máy tôn Vina One		-	12.02	
17	Nhà máy sản xuất ngũ kim nội thất gia dụng		8	2	

Nguồn: BSC Research

Luận điểm 2: BSC duy trì kỳ vọng giá cho thuê KCN Châu Đức sẽ tiếp tục tăng trưởng 12% trong năm 2025 nhờ (1) hạ tầng giao thông hoàn thiện, (2) giá cho thuê BRVT rẻ tương đối so với các tỉnh phía Nam.

Giá cho thuê KCN Châu Đức tại Quý 3.2024 ở quanh mức 100 USD/m² (+25% YoY), (+0% QoQ). Giá cho thuê đi ngang trong 9T.2024. Các khu công nghiệp khác tại địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cũng ghi nhận diễn biến giá tương tự như KCN Phú Mỹ 2 (124 USD/m²), Phú Mỹ 2 Mở rộng (126 USD/m²). BSC giữ quan điểm giá cho thuê KCN Châu Đức sẽ tiếp tục tăng trưởng +12% YoY trong năm 2025 nhờ hệ thống hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện.

Luận điểm 3: Điểm rơi bàn giao của Khu đô thị Hữu Phước Giai đoạn 1 và NOXH vào năm 2025.

Chi tiết tham khảo tại [Báo cáo trước đó](#).

III. CẬP NHẬT DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024 – 2025

So với [Báo cáo trước đó](#), BSC tăng +10%/+26% dự báo LNST năm 2024 và 2025 chủ yếu nhờ sản lượng bàn giao và hoạt động ký các hợp đồng MOU tốt trong Quý 3.2024

Trong năm 2024, SZC dự báo SZC ghi nhận Doanh thu thuần đạt 1,287 tỷ VNĐ (+57% yoy), LNST – CĐTĐ đạt 478 tỷ VNĐ (+118% yoy), tương đương EPS FWD 2024 = 2,655 VNĐ/CP, P/E FWD 2024 = 15.7, P/B FWD 2024 = 2.2x, chủ yếu nhờ bàn giao 45 ha dự án KCN Châu Đức và 16 căn Shophouse KDC Hữu Phước.

Trong năm 2025, SZC dự báo SZC ghi nhận Doanh thu thuần đạt 1,670 tỷ VNĐ (+30% yoy), LNST – CĐTĐ đạt 662 tỷ VNĐ (+38% yoy), tương đương EPS FWD 2025 = 3,677 VNĐ/CP, P/E FWD 2025 = 11.3, P/B FWD 2024 = 1.8x, chủ yếu nhờ bàn giao 45 ha dự án KCN Châu Đức và 40 căn Shophouse KDC Hữu Phước.

Hình 3: Dự báo Kết quả kinh doanh năm 2024 – 2025 của SZC

KQKD	2022	2023	2024F cũ	2025F cũ	% YoY 2024	% YoY 2025	2024F mới	2025F mới	% YoY 2024	% YoY 2025
Doanh thu thuần	859	818	1,210	1,385	48%	14%	1,287	1,670	57%	30%
Giá vốn hàng bán	(549)	(468)	(570)	(632)	22%	11%	(602)	(741)	29%	23%
Lợi nhuận gộp	310	350	640	752	83%	18%	684	929	95%	36%
Chi phí bán hàng	(10)	(9)	(14)	(16)	66%	14%	(15)	(20)	76%	30%
Chi phí QLDN	(40)	(46)	(61)	(69)	30%	14%	(64)	(84)	38%	30%
Lãi/Lỗ HĐKD	260	295	566	667	92%	18%	605	826	105%	37%
Doanh thu tài chính	15	17	18	25	6%	38%	31	29	80%	-4%
Chi phí tài chính	(32)	(46)	(53)	(50)	16%	-7%	(53)	(49)	16%	-7%
- Chi phí lãi vay	(32)	(46)	(53)	(50)	16%	-7%	(53)	(49)	16%	-7%
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	2	0	0	1	0%	56%	0	1	0%	56%
Lợi nhuận trước thuế	245	267	531	643	99%	21%	583	807	118%	38%
Thuế thu nhập DN	(47)	(48)	(95)	(116)	99%	21%	(105)	(145)	118%	38%
LN sau thuế	198	219	435	527	99%	21%	478	662	118%	38%
CĐTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
LNST-CĐTS	198	219	435	527	99%	21%	478	662	118%	38%
EPS	1,980	1,824	2,419	2,930	33%	21%	2,655	3,677	46%	38%
Doanh thu										
KCN	752	684	1,050	980	54%	-7%	1,125	1,260	65%	12%
KDC Hữu Phước	67	72	90	335	24%	273%	90	335	24%	273%
Sân golf	27	49	50	51	2%	2%	50	51	2%	2%
Khác	12	13	21	20	58%	-7%	23	25	70%	12%
Lợi nhuận gộp										
KCN	302	372	615	618	66%	0%	659	794	77%	20%
KDC Hữu Phước	54	47	53	163	12%	207%	53	163	12%	207%
Sân golf	(38)	(58)	(22)	(23)	-62%	2%	(22)	(23)	-62%	2%
Khác	(7)	(11)	(6)	(6)	-46%	1%	(6)	(6)	-47%	-2%

Nguồn: BSC Research dự báo

IV. ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

So với Báo cáo trước đó, Giá cổ phiếu SZC đã tăng 6%. Chúng tôi khuyến nghị **Nắm giữ** đối với cổ phiếu **SZC** với giá trị hợp lý năm 2025 là **45,000VNĐ/CP** (Upside +12% so với giá đóng cửa ngày 25/11/2024) với WACC = 11%, P/B mục tiêu = 1.5x. So với Báo cáo trước đó, BSC tăng + 2% giá mục tiêu chủ yếu đến từ việc đẩy nhanh tốc độ bàn giao dự án KCN Châu Đức.

Hình 4: Định giá của SZC

Tỷ VND	Phương pháp	Tổng giá trị
KCN	RNAV	4,961
KDC Hữu Phước	RNAV	779
KĐT Châu Đức	P/B	2,306
NOXH	RNAV	35
Sân Golf	BV	85
BOT & khác	BV	50
Bất động sản đầu tư	BV	1,020
(+) Tiền + Đầu tư ngắn hạn		1,410
(-) Nợ vay		(2,554)
Tổng giá trị doanh nghiệp		8,093
Số lượng cổ phiếu (triệu)		180.0
Giá hiện tại		41,600
Lợi suất cổ tức		
Giá mục tiêu		45,000

PHỤ LỤC

KQKD (tỷ VND)	2022	2023	2024F	2025F	LCTT (tỷ VND)	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	859	818	1,287	1,670	(Lỗ)/LNTT	244	267	583	807
Giá vốn hàng bán	(549)	(468)	(602)	(741)	Khấu hao và phân bổ	454	338	508	554
Lợi nhuận gộp	310	350	684	929	Thay đổi vốn lưu động	(78)	(18)	(172)	(249)
Chi phí bán hàng	(10)	(9)	(15)	(20)	Điều chỉnh khác	17	33	53	49
Chi phí QLDN	(40)	(46)	(64)	(84)	LCTT từ HĐKD	638	619	972	1,161
Lãi/Lỗ HĐKD	260	295	605	826	Tiền chi mua TSCĐ	(907)	(716)	(68)	(69)
Doanh thu tài chính	15	17	31	29	Đầu tư khác	36	27	(0)	(0)
Chi phí tài chính	(32)	(46)	(53)	(49)	LCTT từ HĐĐT	(871)	(689)	(68)	(69)
Chi phí lãi vay	(32)	(46)	(53)	(49)	Tiền chi trả cổ tức	(136)	(6)	-	-
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-	Tiền từ vay ròng	435	32	(197)	80
Lãi/lỗ khác	2	0	0	1	Tiền thu khác	-	-	1,200	-
Lợi nhuận trước thuế	245	267	583	807	LCTT từ HĐTC	299	27	1,003	80
Thuế thu nhập DN	(47)	(48)	(105)	(145)	Dòng tiền đầu kỳ	199	266	222	2,129
LN sau thuế	198	219	478	662	Tiền trong kì	66	(43)	1,907	1,172
CĐTS	-	-	-	-	Dòng tiền cuối kỳ	266	222	2,129	3,301
LNST-CĐTS	198	219	478	662					
EPS	1,980	1,824	2,655	3,677					

CĐKT (tỷ VND)	2022	2023	2024F	2025F	Chỉ số (%)	2022	2023	2024F	2025F
Tiền và TĐ tiền	266	222	2,129	3,301	Khả năng thanh toán				
Đầu tư ngắn hạn	40	30	30	30	Hệ số TT ngắn hạn	1.1	1.1	1.8	1.9
Phải thu ngắn hạn	39	67	106	137	Hệ số TT nhanh	0.3	0.2	1.1	1.3
Tồn kho	1,343	1,621	1,502	1,688	Cơ cấu vốn				
TS ngắn hạn khác	47	123	194	252	Hệ số Nợ/TTS	0.8	0.8	0.6	0.6
TS ngắn hạn	1,735	2,064	3,961	5,408	Hệ số Nợ/VCSH	3.1	3.0	1.6	1.5
TS cố định	669	791	755	721	Năng lực hoạt động				
TS dở dang dài hạn	2,699	2,943	3,002	3,062	Số ngày HTK	449	1157	946	786
ĐT dài hạn	53	53	53	53	Số ngày phải thu	8	20	9	0
TS dài hạn khác	56	54	86	111	Số ngày phải trả	155	201	555	932
TS dài hạn	4,600	4,897	4,883	4,866	CCC	302	975	401	-147
Tổng TS	6,335	6,961	8,844	10,274	Tỉ suất lợi nhuận				
Phải trả người bán	248	268	1,563	2,223	LN gộp	36.1%	42.8%	53.2%	55.6%
Vay ngắn hạn	491	624	604	624	LNST	23.1%	26.8%	37.1%	39.6%
Nợ ngắn hạn khác	801	920	-	-	ROE	12.9%	12.6%	14.0%	16.2%
Tổng Nợ ngắn hạn	1,540	1,813	2,167	2,847	ROA	3.1%	3.1%	5.4%	6.4%
Vay dài hạn	2,144	2,044	1,867	1,927	Tăng trưởng				
Nợ dài hạn khác	1,117	1,368	1,395	1,423	Tăng trưởng DTT	20%	-5%	57%	30%
Tổng Nợ dài hạn	3,261	3,411	3,262	3,350	Tăng trưởng LNTT	-38%	9%	118%	38%
Tổng Nợ	4,801	5,224	5,429	6,197	Tăng trưởng EPS	-39%	-8%	46%	38%
Vốn góp	1,000	1,200	1,800	1,800					
Thặng dư vốn CP	5	5	605	605					
LN để lại	441	404	802	1,339					
Vốn chủ khác	88	128	208	333					
CĐTS	-	-	-	-					
Tổng Vốn CSH	1,534	1,737	3,415	4,077					
Tổng nguồn vốn	6,335	6,961	8,844	10,274					
Số lượng CP lưu hành (tr)	100	120	180	180					

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự VND ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8,9 Tòa nhà Thái Holdings, 210 Đường
Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: +84439352722

Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place, Số 93
Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84838218885

Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>

<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

